

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
3753	Lê Thị Lan		9/18/1953	171.092.704	Tổ 5 BS	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3754	Nguyễn Hoàng Lang	1942		270.585.680	Tổ 1 BT	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3755	Lê Thị Lê Thu		31/03/1943	271.336.810	Tổ 6 BT	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3756	Bùi Thị Khanh		1/1/1959		Tổ 2 BT	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3757	Thổ Minh Thiện	22/2/2004			Tổ 13 BT	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
3758	Lê Tuấn Vũ	13/11/2008			Tổ 11 BS	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
3759	Nguyễn Xuân Thuyền	26/8/2003			Tổ 14 BT	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
3760	Lê Khắc Minh Tuấn	4/7/2010			Tổ 5 BT	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
3761	Đoàn Lê Huyền Trang		4/11/2006		Tổ 10 BT	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
3762	Bùi Thị Thảo Nhi		27/8/2010		Tổ 8 BT	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
3763	Trần Bá Khánh	1/1/1984		271.897.704	Tổ 5 BS	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3764	Bùi Văn Thanh	1/1/1959		272.109.021	Tổ 13 BS	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3765	Phạm T. Thanh Hồng		1/1/1992		Tổ 11 BT	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3766	Thổ Sang	10/4/1999			Tổ 13 BT	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3767	Nguyễn T. Minh Huệ		16/10/1980	271.367.865	Tổ 5 BT	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3768	Lê Minh Phong	10/02/1979		271.316.895	Tổ 2 BT	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3769	Phùng Anh Tuấn	18/3/1983			Tổ 1 BT	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3770	Phùng Thanh Sang	24/5/1989			Tổ 1 BT	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3771	Võ Thị Nhi		23/1/1991		Tổ 12 BT	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3772	Võ Văn Hưng	25/5/1993			Tổ 12 BT	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3773	Vòng Thị Mỹ Chi		1/1/1992		Tổ 8 BS	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3774	Đặng Tấn Tài	2/6/1998		272.614.006	Tổ 6 BT	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3775	Phạm Quốc Anh	9/11/1977		271.228.500	Tổ 8 BT	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3776	Thị Phòng		1/1/1969	270.917.391	Tổ 13 BT	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3777	Nguyễn Công Đoàn	28/02/1984		271.789.311	Tổ 1 BT	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3778	Lê Thị Chiến		10/7/1970	174.822.179	Tổ 7 BS	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3779	Trần Nhật Thanh	8/3/2002			Tổ 6 BT	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3780	Lê Tấn Hùng	1/30/1972		272.813.940	Tổ 1 BS	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3781	Võ Công Tân	4/16/1974		271.244.482	Tổ 13 BS	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3782	Vũ Quang Thành	12/23/1976		271.244.369	Tổ 10 BS	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3783	Đào An Thế Thiên	1970		272.256.634	Tổ 3 BT	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3784	Thổ Hòa	1981		271.404.410	Tổ 13 BT	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3785	Nguyễn N. Bảo Trâm		18/01/2004		Tổ 3 BT	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3786	Nguyễn Ngọc Tâm	5/1/1996		272.614.248	Tổ 5 BS	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3787	Nguyễn Khương Thuận	1/14/2000		272.691.532	Tổ 10 BS	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3788	Trần Thị Phúc		1/1/1936	270.552.418	Tổ 2 BS	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3789	Nguyễn Văn Huiyinh	1/1/1947			Tổ 11 BS	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
3790	144 Trần Thị Miến		1/1/1950	270652337	Tổ 1 BT	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3791	145 Mai Thị Nhung		1/1/1957		Tổ 7 BS	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3792	146 Tôn Nữ Thị Tín		1940	270.570.345	Tổ 12 BS	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3793	147 Lê Thị Tơ		5/8/1958	174.816.620	Tổ 7 BS	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3794	148 Nguyễn Hữu Diên		23/9/2007		Tổ 11 BT	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
3795	149 Trần Đăng Khoa		27/03/2006		Tổ 5 BT	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
3796	150 Trần Gia Bảo		6/28/2016		Tổ 12 BT	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
3797	151 Nguyễn T Ngọc Sinh		1983	271616447	Tổ 6 BS	Người KTDBN nuôi trẻ dưới 36 tháng tuổi	450.000	1.500.000	
3798	152 Lê Thị Mỹ Thuật		1985	272081225	Tổ 13 BT	Người KTDBN nuôi trẻ dưới 36 tháng tuổi	450.000	600.000 số	Dã hương 900.000đ vé
3799	153 Phạm Giác Ngộ		18/02/2004		Tổ 11 BT	Trẻ em mồ côi	450.000	1.500.000	
3800	154 Thỏ Minh Hậu		10/2/2012		Tổ 3 BS	Trẻ em mồ côi	450.000	1.500.000	
3801	155 Nguyễn Thị Lương		1/1/1951		Tổ 7 BS	Người già có đơn dưới 80	450.000	1.500.000	
3802	156 Thị Lan		18/10/1989	271901212	Tổ 13 BT	Hồ đơn thân nuôi 2 con nhỏ	600.000	1.500.000	
3803	157 Nguyễn Thái Sơn		11/4/1974	272204910	Tổ 8 BS	Hồ đơn thân nuôi 2 con nhỏ	600.000	1.500.000	
3804	158 Vy Thị Tuyết		1956	270572177	Tổ 14 BT	Hồ nghèo không có thành viên LD	600.000	1.500.000	
3805	159 Lương Văn Suong		1951	272255019	Tổ 14 BT	Hồ nghèo không có thành viên LD	600.000	1.500.000	
14	XÃ BÌNH LỘC							361.500.000	
3806	1 Nồng Đạt Khin		01/01/1922	270668096	Áp 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3807	2 Lê Thị Hiền		01/01/1925	270669503	Áp Cây Đa	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3808	3 Nguyễn Thị Liễu		01/01/1930		Áp 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3809	4 Hồ Thị Phần		01/01/1931	272042602	Áp 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3810	5 Hà Văn Thứ		01/01/1930	270668900	Áp 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3811	6 Nguyễn Thị Dắc		01/01/1928		Áp 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3812	7 Lý Đạt Phó		01/01/1929		Áp 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3813	8 Võ Thị Mỹ		01/01/1931		Áp 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3814	9 Liêng A Giảng		22/12/1925	271315711	Áp 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3815	10 Hồ Chông Văn		01/01/1926	270668042	Áp 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3816	11 Trần Văn Ba		01/01/1929		Áp 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
3817	12 Nguyễn Thị Yên		01/01/1931	272707137	Ấp 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3818	13 Từ Thanh Tâm	01/01/1930		270539031	Ấp 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3819	14 Trần Văn Lộc	01/01/1930		270668892	Ấp 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3820	15 Nguyễn Lập Thành	01/01/1930		270668946	Ấp 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3821	16 Chu Sung	01/01/1930		180336532	Ấp 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3822	17 Chu Thị Xuyên		06/7/1928	180336468	Ấp 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3823	18 Phạm Thị Ba		01/01/1923	272586758	Ấp 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3824	19 Nguyễn Trung Nghiệp	01/01/1930		272042525	Ấp 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3825	20 Lâm Sắc Múi		01/01/1929	270564469	Ấp Cây Đa	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3826	21 Bùi Thị Lê		19/6/1930	272042654	Ấp 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3827	22 Đỗ Thị Thắm		11/6/1930	272042586	Ấp 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3828	23 Hồ Chông Khoản	01/01/1930		270646742	Ấp 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3829	24 Nguyễn Thị Ha		01/01/1930		Ấp 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3830	25 Phạm Thị Liên		01/01/1931		Ấp 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3831	26 Nguyễn Thị Nghi		01/01/1932		Ấp 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3832	27 Trần Thị Nguyệt		01/01/1932	272614818	Ấp 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3833	28 Huỳnh Văn Chính	01/01/1932		270584396	Ấp 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3834	29 Nguyễn Đăng Cảnh	01/01/1933			Ấp 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3835	30 Lê Thị Vệ		01/01/1933	270669490	Ấp Cây Đa	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3836	31 Lưu Chí Sỏi	01/01/1933		271255297	Ấp 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3837	32 Nguyễn Thị Đường		01/01/1933		Ấp 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3838	33 Vòng Chí Wà	05/10/1933		270646927	Ấp 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3839	34 Lò A Làn		01/01/1934	270668010	Ấp 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3840	35 Diu Sy Mon		10/01/1934	271975537	Ấp 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3841	36 Phạm Thị Vy		01/01/1934	270669869	Ấp Cây Đa	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3842	37 Phạm Văn Hường	01/01/1934		270690064	Ấp Cây Đa	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3843	38 Diệp Đức Tú		27/11/1933		Ấp 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3844	39 Nguyễn Thị Lang		01/01/1935		Ấp 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3845	40 Trần Văn Mạnh	01/01/1935		271041836	Ấp Cây Đa	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3846	41 Lâm Kim Phụng		01/01/1935		Ấp 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3847	42 Nguyễn Thị Hồng		01/01/1935	272042666	Ấp 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3848	43 Lê Tấn Thám	01/01/1936		271897339	Ấp 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3849	44 Võ Thị Sảng		01/01/1936		Ấp 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3850	45 Nguyễn Thị Năm		01/01/1936		Ấp 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3851	46 Nguyễn Văn Thành	05/10/1936		272042598	Ấp Cây Đa	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3852	47 Trương Công Trinh	01/01/1937		270669028	Tổ 1, ấp 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3853	48 Nguyễn Thị Phó		01/01/1937	272046383	Ấp 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đổi tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
3854	Nguyễn Thị Thanh			270235703	Ấp Cây Da	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3855	Vũ Ngọc Thái	01/01/1937		270553401	Ấp 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3856	Lê Văn Minh	11/01/1937		270668741	Tổ 10, ấp 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3857	Lâm Mân Quay	01/02/1937		270646726	Tổ 2, ấp 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3858	Nguyễn Thị Tốt			271086496	Ấp 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3859	Lê Thị Thu Ba			272081089	Ấp 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3860	Trần Thị Bảy			270952938	Ấp 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3861	Huỳnh Thị Xuân Hương			272587178	Tổ 6, ấp 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3862	Lê Thị Anh			271896994	Ấp 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3863	Hứa Thị Kỳ Hoa			272634698	Ấp 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3864	Trần Thị Cung			272634023	Ấp 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3865	Hồ Thị Cúc			270583696	Ấp 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3866	Đào Văn Xinh	01/01/1938		270583304	Ấp 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3867	Nguyễn Thị Vây			272753726	Ấp 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3868	Trình Thị Khong			272906631	Ấp 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3869	Lưu Cẩm Ninh	09/9/1938		270668034	Ấp 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3870	Nguyễn Thành Lương	01/10/1938		272030734	Ấp 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3871	Nguyễn Đức Ninh	20/10/1938		271988684	Ấp 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3872	Hồ Thị Lang			270668065	Ấp 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3873	Nguyễn Thành Dương	01/01/1939		270668611	Ấp 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3874	Trần Thị Giắt			270668740	Ấp 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3875	Nguyễn Thị Kiêm			270669793	Ấp Cây Da	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3876	Đoàn Xuân Phan	01/01/1939		161311769	Ấp 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3877	Lê Rợ	01/01/1939		341814335	Ấp Cây Da	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3878	Phùng Tài Mùi			270646727	Ấp 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3879	Nguyễn Văn Diễm	02/6/1939		270669941	Ấp Cây Da	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3880	Phan Văn Xin	14/7/1939		271176422	Ấp 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3881	Hồ Tây	01/01/1938		270960080	Ấp 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3882	Lê Thị Liú			271571025	Ấp 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3883	Nguyễn Thị Đỏ			270584745	Ấp 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3884	Huỳnh Ngọc Huệ	01/01/1940		272042580	Ấp 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3885	Cao Thị Thi			272397824	Ấp 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3886	Phan Thị Thu			270952713	Ấp Cây Da	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3887	Hồ Thị Kim Lan			271975190	Ấp Cây Da	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3888	Trương Văn Cái	01/01/1940		270669820	Ấp Cây Da	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3889	Lê Thị Lùng			270668907	Ấp 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3890	Ngô Thị Lương			271405752	Ấp 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
3891	86 Mai Ngọc Em	01/01/1940		270668671	Áp 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3892	87 Nguyễn Thị Tr		01/01/1940	272204588	Áp 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3893	88 Hoàng Kinh	01/01/1940		271975177	Áp 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3894	89 Thi Thia		01/01/1931	270669792	Áp 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3895	90 Nguyễn Thị Sán		01/01/1940	272587644	Áp 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3896	91 Nguyễn Thị Bầy		09/01/1940	270536938	Áp 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3897	92 Chênh Sập Mùi		1975		Áp 1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3898	93 Chương Mai Phương		1986	272255548	Áp 4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3899	94 Hà Văn Nghĩa	1978			Áp 3	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3900	95 Lê Thị Minh Trang		1987		Áp 1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3901	96 Nguyễn Thị Em		1975	271851266	Áp 1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3902	97 Phạm Thị Thu Thủy		1985		Áp 3	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3903	98 Hoàng Thị Ngọc		1977	230543237	Áp 4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3904	99 Ưng Nhộc Linh		16/9/1978	271519674	Áp 1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3905	100 Huỳnh Văn Lộc	1971			Áp 1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3906	101 Nguyễn Thị Xuân Thu		20/8/1960	272047846	Áp 3	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3907	102 Võ Sỹ Thảo	1989			Áp 2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3908	103 Trần Nhứt Đức	1995			Áp 1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3909	104 Phạm Văn Đức	1993		272397324	Áp Cây Đa	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3910	105 Đỗ Thiến Xa	1962			Áp 1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3911	106 Trần Thị Vân		1969		Áp 1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3912	107 Phạm Thị Hoàng Dung		1969		Áp 2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3913	108 Nguyễn Thị Kim Anh		15/01/1984		Áp 1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3914	109 Nguyễn Thành Phở	15/05/1992		272136214	Áp 3	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3915	110 Phạm Nguyễn Tuyền	23/03/1978			Áp Cây Đa	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3916	111 Nguyễn Thị Hải Liên		24/06/1981	271596142	Áp 4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3917	112 Nguyễn Thị Lợt		01/01/1964		Áp 2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3918	113 Nguyễn Văn Quyền	10/05/1967		272587611	Áp 4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3919	114 Lộc Chân Phụng		1971	270969248	Áp 4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3920	115 Nguyễn Thị Linh Ý		03/03/1994		Áp 1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3921	116 Trịnh Thị Đăng Linh		24/04/1981		Áp 1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3922	117 Bùi Việt Trung	1972			Áp 1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3923	118 Phan Thị Thủy Tiên		04/10/1968	270852577	Áp 1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3924	119 Nguyễn Thanh Tuấn	04/04/1979		271315116	Áp Cây Đa	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3925	120 Trần Văn Lộc	06/11/1971		271176275	Áp 3	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3926	121 Đặng Bá Phúc	01/01/1982		271718554	Áp 3	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3927	122 Nguyễn Mã Công Tỉnh	9/16/1995			Áp 4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
3928	123 Nguyễn Văn Can	1962		272752331	Ấp 4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3929	124 Nguyễn Hồng Đức	01/01/1968		271631722	Ấp 1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3930	125 Nguyễn Xuân Phú	16/6/1966			Ấp 1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3931	126 Nguyễn Văn Tín	17/7/1999			Ấp Cây Da	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3932	127 Lê Quang Hưng	15/12/1962		270668938	Ấp 3	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3933	128 Võ Thị Kim Hiền		1974		Ấp 2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3934	129 Võ Thị Thu Hương		1981	272790866	Ấp 2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3935	130 Vòng Minh Phát	02/10/2000		272733716	Ấp 3	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3936	131 Lây Bạch Ngân	08/5/1974		271176277	Ấp 3	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3937	132 Nguyễn Đức Thu	04/9/1983		271596197	Ấp Cây Da	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3938	133 Đặng Thị Hằng Nga	20/5/2001			Ấp Cây Da	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3939	134 Trần Hữu Hàn	08/02/1984		271596198	Ấp 1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3940	135 Hà Thị Anh Loan		1964	270668718	Tổ 8, ấp 2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3941	136 Nguyễn Kiệt	02/01/2001		272790098	Ấp 4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3942	137 Ngô Minh Nhứt	25/10/1981		271405834	Ấp 4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3943	138 Tăng Chúc Phương		14/01/1982	271526165	Ấp 1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3944	139 Huỳnh Quang Hùng	01/01/1971		272236890	Ấp 2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3945	140 Lâm Ngọc Thanh	20/8/1990		272946352	Ấp Cây Da	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3946	141 Nguyễn Thị Lam	01/01/1962		270668474	Ấp 1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3947	142 Nguyễn Thị Ngọc Liễu		04/3/1978	276074202		Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3948	143 Lê Tấn Đạt	01/01/2003			Ấp 4	Trẻ em mồ côi	450.000	1.500.000	
3949	144 Nguyễn Thị Năm		01/01/1945	270668828	Ấp 2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3950	145 Trần Thị Hoạch		01/01/1952	272042751	Ấp 3	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3951	146 Trần Thị Đường		01/01/1946	272634210	Ấp 4	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3952	147 Nguyễn Thị Lưu		01/01/1938		Ấp Cây Da	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3953	148 Huỳnh Thị The		31/05/1950	271315688	Ấp 1	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3954	149 Bình Thị Kỳ		1955	270566333	Ấp 3	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3955	150 Nguyễn Đình Lộc	30/04/1957		270525909	Ấp Cây Da	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3956	151 Hoàng Thị Hương		28/09/1957		Ấp 2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3957	152 Trương Thị Vân		01/01/1950	270668265	Ấp 3	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3958	153 Phạm Mất	02/6/1952		270668063	Ấp 2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3959	154 Nguyễn Chức	01/01/1927		270668074	Ấp 1	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3960	155 Nguyễn Thị Hương		01/01/1959		Ấp 1	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3961	156 Võ Văn Mắm	01/01/1956		272960343	Ấp Cây Da	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3962	157 Nguyễn Thị Tinh		01/01/1956	272558411	Ấp 4	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3963	158 Lại Thị Minh Thư		02/3/2008		Ấp Cây Da	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
3964	159 Bùi Thị Hải Yên		07/12/2008		Ấp 4	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
3965	160 Nguyễn Ngọc Quỳnh Nga		26/4/2006		Áp 3	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
3966	161 Đặng Ngọc Minh Anh	10/12/2012			Áp 1	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
3967	162 Ngô Minh Đạt	23/8/2017			Áp 2	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
3968	163 Trần Thị Phương Loan		17/11/2018		Áp 3	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
3969	164 Huỳnh Thúy Hồng		09/01/2011		Áp 2	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
3970	165 Phan Huỳnh Như		23/5/2009		Áp 4	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
3971	166 Phú Sập Múi		1977		Áp 1	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3972	167 Tống Minh Tâm	1988			Áp 3	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3973	168 Trần Thị Hồng Nhung		1987		Áp 2	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3974	169 Phạm Anh Tài	1976			Áp 4	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3975	170 Hoàng Thiên Bảo	1979			Áp 1	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3976	171 Nguyễn Hoàng Phú				Áp Cây Đa	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3977	172 Nguyễn Trần Thái Duy	14/07/1981			Áp 1	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3978	173 Đặng Văn Dũng	1966			Áp 3	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3979	174 Phùng Nguyễn Thanh Tri	25/10/1976			Áp 1	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3980	175 Hỷ A Lọc	20/8/1960		270646831	Áp 4	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3981	176 Trần Thị Thủy		18/8/1960	271086412	Áp 3	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3982	177 Nguyễn Công Minh	16/8/1998			Áp 3	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3983	178 Bùi Quang Nhất	17/12/1999			Áp 1	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3984	179 Chu Thị Thủy		12/8/1969	272042608	Áp 4	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3985	180 Nguyễn Hàm	20/11/1963		272614618	Áp 1	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3986	181 Liêng Thị Hồng		1991		Áp 1	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3987	182 Đinh Thị Mỹ Tâm		14/02/2003		Áp 1	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3988	183 Đào Chí Thắng			270668011	Áp 1	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3989	184 Lương Thị Mỹ Khoa	01/02/1964			Áp 4	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3990	185 Trần Minh Vương		20/01/1994		Áp 3	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3991	186 Đào Minh Tinh	03/8/1974		271176226	Áp 1	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3992	187 Nguyễn Thị Loan	16/9/2003			Áp 1	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3993	188 Nguyễn Văn Hồng	01/01/1970		270668815	Áp 1	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3994	189 Đặng Văn Sáu	27/12/1968		272423622	Áp 4	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3995	190 Nguyễn Quốc Trung	20/10/1968		270851650	Áp 1	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3996	191 Đặng Văn Sen			271315708	Áp 3	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3997	192 Nguyễn Thị Mươi		01/01/1931		Áp 1	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3998	193 Trinh Thị Vân		01/01/1942	270668416	Áp 3	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3999	194 Quách Thị Nhiều		01/01/1925		Áp 1	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4000	195 Nguyễn Thị Được		01/01/1948		Áp 2	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4001	196 Trần Thị Phó		1931		Áp 2	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đổi tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
4002	197	Phan Thị Hải	1949	272042658	Ấp 2	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4003	198	Hứa Như Tú	01/10/1932	025624831	Ấp 1	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4004	199	Nguyễn Thị Hồng	17/10/1947	271174534	Ấp 4	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4005	200	Nguyễn Thị Bé	1937	270952993	Ấp 3	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4006	201	Bùi Thị Nhung	01/01/1923	270689487	Ấp 1	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4007	202	Đinh Văn Càn	20/05/1935	272236884	Ấp 2	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4008	203	Nguyễn Văn Thắng	01/01/1937	270952726	Ấp Cây Đa	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4009	204	Nguyễn Thị Nhỏ	01/01/1936	270669692	Ấp Cây Đa	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4010	205	Phan Thị Tâm	30/3/1925	272042856	Ấp 1	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4011	206	Lâm Á Tài	02/11/1937	024578481	Ấp 2	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4012	207	Nguyễn Văn Thu	11/10/1955	270980057	Ấp 2	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4013	208	Võ Thị Tâm	01/01/1932	270537627	Ấp 1	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4014	209	Phan Thị Hân	01/01/1939	272042743	Ấp 4	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4015	210	Danh Văn Ngọc	01/01/1928	272549246	Ấp Cây Đa	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4016	211	Lê Thị Thoa	30/12/1936	270583810	Tổ 2, ấp 2	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4017	212	Nguyễn Thị Ngọc	10/9/1949	270139600	Tổ 2, ấp 2	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4018	213	Lê Thị Hà	01/01/1928	270668567	Ấp 4	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4019	214	Phạm Thị Cài	01/01/1930	270669723	Ấp Cây Đa	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4020	215	Nguyễn Ngọc Năm	01/01/1931	270668076	Ấp 1	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4021	216	Phạm Thị Hồng	01/01/1939	270668832	Ấp 1	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4022	217	Trần Văn Anh	01/01/1946	271831286	Ấp 1	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4023	218	Nguyễn Văn Cất	01/01/1951	270690483	Ấp 1	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4024	219	Lê Thị Thơm	01/01/1932	270668247	Ấp 3	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4025	220	Hoàng Thị Nào	20/10/1934	272335916	Ấp 1	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4026	221	Phan Thị Minh	29/6/1949	270646858	Ấp 2	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4027	222	Vòng Sát Mùi	04/02/1944	272042745	Ấp 3	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4028	223	Lê Thị Huệ	01/01/1953	270668808	Ấp 1	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4029	224	Nguyễn Thị Phương	10/01/1951	2706469228	Ấp 1	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4030	225	Trình Quang Nghi	01/01/1939	270646747	Ấp 1	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4031	226	Cao Chanh Định	05/6/1931	272906007	Ấp 1	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4032	227	Nguyễn Thị Thiệu	06/02/1946	270580288	Ấp 2	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4033	228	Bùi Văn Phong	01/01/1931	270336817	Ấp Cây Đa	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4034	229	Hồ Thị Bén	01/01/1935	270668067	Ấp 1	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4035	230	Nguyễn Thị Chung	27/7/1954	270646722	Ấp 1	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4036	231	Nguyễn Quang	10/8/1944						
4037	232	Long Dầu Dung							
4038	233								

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
4039	Đỗ Thị Tuyết		01/01/1932	270586413	Áp 1	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4040	Trương Thị Thu		01/01/1960	310541447	Áp Cây Đa	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
4041	Lê Thị Giáng Hương		08/5/2008		Áp 3	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4042	Cao Gia Bảo	2008			Áp 2	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4043	Nguyễn Thị Hồng Anh		2006		Áp 2	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4044	Lâm Tú Anh		05/7/2005		Áp 1	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4045	Thông Gia Hoàng	14/11/2007			Áp 1	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4046	Huỳnh Đỗ An Khang	14/12/2017			Áp 1	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
15	XÃ HÀNG GÒN						750.000	1.500.000	
4047	1 NGUYỄN LƯƠNG	15707			Hàng Gòn	NCT có đơn từ 60 - 80 tuổi		614.900.000	
4048	2 THAI THỊ NHANH		1/1/1933	270789506	Hàng Gòn	NCT có đơn từ 80 tuổi	450.000	1.500.000	
4049	3 PHẠM THỊ TÚ		1/1/1934	270542403	Hàng Gòn	NCT có đơn từ 80 tuổi	600.000	1.500.000	
4050	4 VÕ THỊ BA		1/1/1932	366133349	Tân Phong	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	600.000	1.500.000	
4051	5 NGUYỄN TIẾN CÀ	8037		170344683	Tân Phong	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4052	6 HỒ THỊ CẨM	12055		272030238	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4053	7 LÊ CANG	11689		270776520	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4054	8 TRẦN BÁ CHÍ		8/22/1931	271807822	Tân Phong	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4055	9 TRẦN THỊ CHƠI		1/1/1931	340141682	Tân Phong	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4056	10 ĐÀO THỊ CON		1/1/1930	270776316	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4057	11 ĐOÀN VĂN CỘNG	11689		270789170	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4058	12 NGUYỄN THỊ ĐẠO		01/01/1934	270495256	Đồi Riu	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4059	13 BÙI THỊ ĐỖ		1/1/1934	270173099	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4060	14 PHAN THỊ DU		1/1/1935	270541340	Đồi Riu	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4061	15 NGUYỄN VĂN DƯƠNG	12055		270776827	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4062	16 NGUYỄN THỊ EM		1/2/1935	272496386	Tân Phong	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4063	17 PHAN THỊ HAI		1/1/1927	270789221	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4064	18 THỊ HE		1/1/1935	270968285	Đồi Riu	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4065	19 LƯƠNG TRỌNG HIỀN	8402		272204895	Đồi Riu	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4066	20 PHẠM HIỆP	11689		270159939	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4067	21 PHẠM THỊ HỘ		1/1/1935	270776427	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4068	22 ĐẶNG VĂN HOÀNG	10959		272042290	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4069	23 PHẠM KẾ	10594		270542701	Tân Phong	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4070	24 HUỲNH THỊ KÉO		1/1/1932	270776422	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4071	25 HÀ VĂN KIM	10959		271642323	Tân Phong	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4072	26 PHÙNG THỊ LÀI		1/1/1925	270776931	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4073	27 TRƯƠNG VĂN LÂM	11689		270159587	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4074	28 NGUYỄN THỊ LAN		01/01/1934	270790102	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đổi tương Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
4075	TRẦN THỊ ĐIỀU LIÊN		1/1/1920	272136851	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4076	LÊ THỊ LIÊN		1/1/1932	270789166	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4077	HUYỀN THỊ LIÊN		1/1/1935	270154895	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4078	BUI THỊ LOAN		1/1/1935	270832068	Đồi Riu	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4079	NGUYỄN THỊ LONG		01/01/1934	270154795	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4080	VŨ THỊ LƯƠNG		1/1/1935	272634611	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4081	PHAN THỊ MÂN		1/1/1935	270173047	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4082	VŨ THỊ MĂNG		1/1/1935	272789581	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4083	VŨ THỊ MUỘI		01/01/1934	272081284	Đồi Riu	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4084	NGUYỄN THỊ MUỘI		1/1/1930	270789391	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4085	TRẦN VĂN NGHỆ	12785		270658423	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4086	NGUYỄN THỊ KIM NGỌC		3/9/1928	272030630	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4087	PHAN VĂN NGÔI	01/01/1934		271836745	Đồi Riu	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4088	NGUYỄN BÁ NHẬN	11416		260132791	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4089	LÊ THỊ NGƯỠNG		1/1/1935	270159583	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4090	THAI THỊ PHI		1/1/1931	310045162	Đồi Riu	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4091	NGUYỄN THỊ PHI		1/1/1935	271119250	Tân Phong	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4092	PHAN VĂN QUÊ	01/01/1934		270365894	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4093	NGUYỄN THỊ QUÊ		01/01/1934	272030327	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4094	HUYỀN THỊ QUỖI		1/1/1935	270158456	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4095	TÔNG VĂN SA	11324		270541199	Đồi Riu	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4096	TRẦN THỊ SẦU		1/1/1932	270776568	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4097	NGUYỄN VĂN SƠN	12055		270573164	Tân Phong	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4098	VŨ THỊ SỰ		1/1/1930	272422343	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4099	NGUYỄN DUY SUẤT	11689		271041373	Tân Phong	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4100	NGUYỄN VĂN THẨM	11689		270159927	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4101	TRƯƠNG THỊ THANH		01/01/1934	272450484	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4102	PHẠM THỊ TIẾT		12/1/1933	200572248	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4103	VŨ ĐÌNH TRÁC		3/5/1932	272030564	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4104	LÊ THỊ NGOC TRÂM		1/1/1917	270458945	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4105	LÊ VĂN TRIỆU	11298		270776985	Đồi Riu	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4106	VŨ THỊ TỰ		1/1/1931	270776258	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4107	TRINH THỊ TỰ		1/1/1932	271642432	Tân Phong	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4108	NGUYỄN THỊ TUYẾT		1/1/1933	270776536	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4109	NGUYỄN THỊ XUÂN		1/1/1935	270776210	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4110	NGÔ XUÂN	12817		272030207	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4111	VŨ YẾN	9863		272352742	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid- 19	
4112	66 NGUYỄN VĂN ĐÁ	12872		272204255	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4113	67 NGUYỄN THỊ XÁCH		4/2/1935	272030210	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4114	68 TRẦN THỊ SÁCH		1/1/1936	272030565	Tân Phong	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4115	69 NGUYỄN THỊ TRÂM		1/1/1936	270968623	Tân Phong	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4116	70 NGUYỄN THỊ LẠI		1/1/1936	270540242	Đôi Riú	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4117	71 LÊ VĂN TẠ	13150		272030551	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4118	72 VÕ THỊ TÂM		1/1/1936	270173048	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4119	73 VŨ THỊ PHÚ		1/1/1936	270173001	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4120	74 NGUYỄN THỊ DÂN		1/1/1936	270173106	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4121	75 VÕ THỊ TÂM		3/8/1936	272497908	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4122	76 BUI THỊ DÂN		3/10/1936	272294346	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4123	77 TRẦN THỊ GIỀNG	13250		270583623	Tân Phong	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4124	78 HUYNH THỊ LUÔNG		10/20/1936	270159679	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4125	79 ĐẶNG VĨNH TÂM	13516		272042720	Tân Phong	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4126	80 LÊ THỊ BÈ		1/1/1937	270173026	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4127	81 HOÀNG THỊ VIỆN		1/1/1937	270159760	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4128	82 NGUYỄN VĂN THÀ		1/1/1937	270159699	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4129	83 NGUYỄN THỊ MÂN		1/1/1937	270540064	Đôi Riú	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4130	84 PHẠM YẾN	13548		272030314	Tân Phong	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4131	85 HUYNH THỊ ANH		3/8/1937	272679190	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4132	86 NGUYỄN THỊ HIẾU		1/1/1933	260144255	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4133	87 NGUYỄN THỊ CHUẢ		8/20/1937	272236983	Tân Phong	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4134	88 TRẦN THỊ THÁI		8/11/1937	270495099	Tân Phong	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4135	89 NGUYỄN THỊ MẠI		1/1/1918	800200605	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4136	90 NGUYỄN DUY KHUYẾN	13873		271041380	Tân Phong	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4137	91 NGUYỄN THỊ THANH		1/1/1938	270542884	Tân Phong	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4138	92 HUYNH VĂN NHÌEN	13881		270542831	Tân Phong	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4139	93 NGUYỄN THỊ MỸ		1/1/1938	270789681	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4140	94 TRINH THỊ THÀNH		1/1/1938	272030231	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4141	95 NGUYỄN THỊ TÀI		1/1/1938	270173098	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4142	96 NGUYỄN VIỆT	13881		272030631	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4143	97 HUYNH NGỌC CHIN	13881		270776895	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4144	98 PHAN THỊ MUỘI		1/1/1938	270775996	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4145	99 TRẦN THỊ ỚC		1/1/1938	270173127	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4146	100 HỮU THỊ THUẬN		1/1/1938	272030578	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4147	101 LÊ VĂN SON	13881		270159752	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4148	102 LÊ THỊ LỤC		1/1/1938	272906725	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đổi tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				T trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
4149	103 LÊ VĂN LANG	13921		271718300	Tân Phong	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4150	104 TRẦN THỊ MINH THO		2/18/1938	271621706	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4151	105 TRẦN THỊ ANH		2/10/1938	270159788	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4152	106 PHẠM THỊ THUÔNG		1/1/1938	270542630	Tân Phong	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4153	107 THẠCH THỊ DINH		1/1/1936	272906826	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4154	108 LÊ VĂN QUÝ	13881		270532417	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4155	109 NÔNG SỸ CÚ	13881		270542347	Tân Phong	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4156	110 LAI THỊ KHINH		1/1/1939	270542845	Tân Phong	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4157	111 BÙI THỊ BACH		1/1/1939	272136954	Tân Phong	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4158	112 PHẠM THỊ CHÂU		1/1/1939	270542430	Tân Phong	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4159	113 NGUYỄN THỊ BANG		1/1/1939	270542834	Tân Phong	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4160	114 CAO THỊ LỮ		12/31/1936	271224472	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4161	115 NGUYỄN THỊ TỰ		1/1/1939	270159923	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4162	116 LÊ THỊ TỰ		1/1/1939	271134676	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4163	117 NGUYỄN THỊ HUỆ		1/1/1939	272042272	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4164	118 VÕ THỊ TỰ		1/1/1939	270776258	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4165	119 NGUYỄN VĂN GẤP	14246		270776141	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4166	120 TRẦN THỊ HOA		1/1/1939	270541122	Đồi Riu	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4167	121 NGUYỄN NHƯ T	14288		270775921	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4168	122 TRẦN VĂN TIẾT	14298		272335801	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4169	123 PHẠM THỊ HOA		1/1/1936	270159789	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4170	124 PHẠM THỊ HIỀN		6/17/1939	180171897	Tân Phong	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4171	125 NGUYỄN THỊ SÁU		8/10/1939	270541707	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4172	126 LƯU ĐÌNH TỰ	14522		270628331	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4173	127 NGUYỄN THỊ MẠNH		10/10/1939	272587049	Tân Phong	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4174	128 NGUYỄN THỊ NGHIÊN		11/5/1939	272587673	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4175	129 NGUYỄN VĂN HAI	12055		270541155	Đồi Riu	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4176	130 NGÔ THỊ GI		1/1/1940	270542201	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4177	131 DẰNG THỊ MƯỜI		1/25/1940	270159599	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4178	132 NGUYỄN THỊ SÓT		1/1/1940	270776272	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4179	133 TRƯƠNG CÔNG CHÍNH	14611		271514434	Tân Phong	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4180	134 NGÔ THỊ NĂNG		1/1/1940	271075267	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4181	135 NGUYỄN THỊ VIỆN		1/1/1940	270173122	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4182	136 NGUYỄN THỊ DÂM		1/1/1940	270154630	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4183	137 ĐÀO CÔNG SỨC		1/1/1940	270776160	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4184	138 ĐÀO THỊ NGÔ		1/1/1940	270159612	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4185	139 NGUYỄN THỊ ỨT		1/1/1940	270159870	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid- 19	
4186	140 NGUYỄN VĂN CHỈ		1/1/1940	272450269	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4187	141 TRẦN THỊ LANG		1/1/1940	272790261	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4188	142 LÊ THỊ MƠ		1/1/1940	270159586	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4189	143 NGUYỄN THỊ THACH		1/1/1940	270789216	Hàng Gòn	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4190	144 NGUYỄN THỊ HOA		3/2/1940	270968668	Tân Phong	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4191	145 DUƠNG THỊ XUÂN		4/10/1940	270495285	Đôi Riu	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4192	146 PHẠM THỊ VĂN ANH		1/1/1970	270458965	Đôi Riu	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4193	147 TRẦN THỊ PHƯỚC BÌNH		1/1/1990		Hàng Gòn	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4194	148 NGÔ QUỐC CẨM	29380		271322465	Đôi Riu	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4195	149 LÊ THỊ HÀ			271403740	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4196	150 TRẦN NGỌC HẬU	29/06/1995		272396016	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4197	151 THỔ LỘC	33239			Hàng Gòn	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4198	152 NGUYỄN TÂN MINH	23743		270542852	Tân Phong	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4199	153 NGUYỄN NGHĨA	22647		270776215	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4200	154 BÙI THỊ MỸ NHAN		1/1/1984	271621236	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4201	155 TRẠC VI PHÒNG		6/4/1962	270583625	Tân Phong	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4202	156 NGUYỄN THỊ PHỤNG		1/1/1972	271257866	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4203	157 TRẦN THỊ ĐO QUỲN		1/1/1982	271590990	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4204	158 NGUYỄN THANH TÂM	29005		271403536	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4205	159 TRẦN ĐÌNH TẬP	27030		271310671	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4206	160 NGUYỄN DUY THÀNH		6/11/1996	272497826	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4207	161 THỊ THAO		5/3/1964	270789097	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4208	162 LÊ THỊ BÍCH THẢO		1/1/1976	271236832	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4209	163 TRẦN TÂN TOÀN	29271			Tân Phong	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4210	164 TRƯƠNG THỊ TỎI		1/1/1980		Hàng Gòn	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4211	165 NGÔ HOANG TRUNG	31772		271835870	Tân Phong	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4212	166 NGUYỄN QUANG TRUNG	22282		270495192	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4213	167 NGUYỄN VĂN TUÂN	24576		270790340	Tân Phong	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4214	168 TRẠC PHỤNG VINH		1/1/1964	270583628	Tân Phong	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4215	169 LÊ LONG VĨNH	24937		271403743	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4216	170 NGUYỄN THỊ KIM YẾN		1/7/1997		Đôi Riu	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4217	171 NGUYỄN THỊ KIM HOA		05/11/1995		Tân Phong	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4218	172 TRẦN NGỌC LỸ	29/5/1986		271703410	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4219	173 TRẦN VĂN TÂM	32392		271216445	Tân Phong	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4220	174 NGUYỄN BẢO THU		11/13/1996	272450088	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4221	175 TRẦN THỊ KIM UYÊN		4/22/1984	011774840	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4222	176 LÊ PHƯỚC BÌNH	17/10/1965		270541077	Đôi Riu	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/hệ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
4223	177 NGUYỄN DUY HẠO	08/01/1976		271210675	Tân Phong	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4224	178 NGUYỄN TÂN QUÂN	08/12/1968		270790316	Tân Phong	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4225	179 PHẠM NGHỊ XUÂN		4/26/1961	272558732	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4226	180 TRƯƠNG VĂN ĐẮC	27506		271310714	Tân Phong	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4227	181 HUỖNH ANH TUẤN	23012		270776051	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4228	182 NGUYỄN VĂN HÙNG	23012			Hàng Gòn	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4229	183 HUỖNH THỊ THU THUY		6/26/1999		Hàng Gòn	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4230	184 NGUYỄN THỊ NHƯ NGỌC		6/19/2000		Hàng Gòn	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4231	185 TRƯƠNG THANH TUẤN	29603		271403787	Tân Phong	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4232	186 PHAN VĂN LỘC		1/1/1982	271516022	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4233	187 NGUYỄN VĂN SÔNG	22902			Tân Phong	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4234	188 LÊ VĂN TRÔNG	30980		271591207	Đồi Riu	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4235	189 TRẦN XUÂN HÒA	26787		271286565	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4236	190 NGÔ THỊ QUỲ		4/25/1966	385698213	Đồi Riu	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4237	191 LÊ HOÀI PHƯƠNG		5/4/2001		Hàng Gòn	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4238	192 NGUYỄN MINH HIỀN	37048			Hàng Gòn	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4239	193 HUỖNH VĂN SƠN	25860		271164939	Tân Phong	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4240	194 LÝ QUANG	22868		271310638	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4241	195 THỎ THANH TÙNG	33572		272109398	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4242	196 NGUYỄN XUÂN TOÀN	22647		270415210	Đồi Riu	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4243	197 NGUYỄN THỊ PHỤNG		1/1/1964	272906282	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng	450.000	600.000 số 900.000đ về	
4244	198 NGUYỄN VĂN CỤ EM	25934			Hàng Gòn	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4245	199 VÕ ĐỨC NGUYỄN	24108		272014203	Tân Phong	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4246	200 LÊ HẠO NGUYỄN	4/13/1998		272587666	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4247	201 NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH		36539	271813554	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4248	202 NGUYỄN THỊ LIÊU		2/8/1968	270790227	Tân Phong	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4249	203 DINH VĂN THƯỜNG	7/1/1993		272163306	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4250	204 MAI THẾ LỮ	24176		272235970	Tân Phong	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4251	205 NGUYỄN QUANG KHAI	23145		271501416	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4252	206 PHẠM MINH ĐỨC	31187		272450636	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4253	207 TRẦN THỊ DƯ		3/2/1962	271436796	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4254	208 VÕ NGỌC NGÀ	23286		270789445	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4255	209 PHẠM THỊ CHUNG		29/06/1960	270159874	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4256	210 PHAN THỊ ANH ĐÀO		1/1/1970	272874847	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4257	211 THỎ HÙNG PHI	32577		271850246	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4258	212 NGUYỄN THỊ SEN		9/10/1967	271988523	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
4259	213 TRƯƠNG VĂN TỬ	22230		271041552	Đồi Riu	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4260	214 TRẦN THAI HUNG	27030		271119372	Tân Phong	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4261	215 LÊ XUÂN HAI	22282		270968693	Tân Phong	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4262	216 PHẠM THỊ BÍCH THUY		1/1/1969	272497781	Tân Phong	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4263	217 ĐIỀU THỊ THANH XUÂN		1/1/1973	271210676	Tân Phong	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4264	218 NGUYỄN THỊ ĐOÌ		10/15/1973	271210789	Đồi Riu	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4265	219 LÊ CÔNG NHỰT	25805		270880048	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4266	220 TRẦN THỊ THU			270776562	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4267	221 NGUYỄN VĂN HỒ	26543		271355482	Đồi Riu	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4268	222 HOÀNG THỊ ANH TUYẾT		1/1/1976	272204892	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4269	223 NGUYỄN THỊ ỨT		1/1/1980	272235947	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4270	224 NGUYỄN NGỌC THANH	23377		270776091	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4271	225 NGUYỄN XUÂN BÌNH	19966		270540742	Đồi Riu	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
4272	226 TÔNG HỮU CHỨC	14246		270607267	Đồi Riu	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
4273	227 NGÔ THỊ ĐỨC		1/1/1946	270159810	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
4274	228 HUYNH VĂN HAI	18629		270776034	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
4275	229 HỒ THỊ HOA		1/1/1952	370293353	Tân Phong	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
4276	230 NGUYỄN NGỌC HOA		5/4/1905	270776201	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
4277	231 NGUYỄN THỊ SANG		1/1/1950	272030452	Tân Phong	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
4278	232 NGUYỄN TÂN THAI	13798		270775997	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
4279	233 LÊ VĂN THANH	1936		270173079	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
4280	234 HUYNH THỊ NÀY		01/01/1939	272047608	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
4281	235 THAI VĂN XÊ	01/01/1928		270880282	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
4282	236 TRẦN THỊ SAU		2/2/1955	270776193	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
4283	237 VÕ VĂN MĂNG	16532		272014943	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
4284	238 TRẦN ĐỨC THU	20358			Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
4285	239 NGUYỄN THỊ NỐ		8/18/1938		Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
4286	240 TRẦN THỊ TRI LỖ		1/1/1956	272163463	Tân Phong	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
4287	241 VÕ THỊ LẠI		8/31/1951	272450705	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
4288	242 LÊ CÔNG PHÚ	14684		270542772	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
4289	243 NGUYỄN VĂN RĂNG		1/1/1950		Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
4290	244 HÀ THỊ HUỐNG		1/1/1940	270776708	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
4291	245 TRẦN ĐỨC MINH		9/14/1951	270541412	Đồi Riu	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
4292	246 PHẠM VĂN TÀI	1957		330775830	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
4293	247 VÕ QUANG THUẬN	20944		272707025	Tân Phong	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
4294	248 NGUYỄN THỊ LIÊN		1/1/1945	270789552	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
4295	249 HỒ THỊ MỸ		1/1/1940	270776959	Đồi Riu	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đổi tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Tự cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
4296	250 NGUYỄN TÀI		12/20/1957		Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
4297	251 NGUYỄN VĂN TÁNH	20821		285364738	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
4298	252 NGUYỄN VĂN LÝ	18629		272030416	Tân Phong	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
4299	253 THỊ ĐÀNH		1/1/1944	270789670	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
4300	254 NGUYỄN VĂN GIỚI	13607		270789665	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
4301	255 HOÀNG THỊ CẨM		1/1/1927	270173101	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
4302	256 PHẠM VĂN BẾ	17533		270012633	Đồi Riu	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
4303	257 NGUYỄN VĂN LONG	15/02/1948		270159739	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
4304	258 NGUYỄN THỊ MAI		01/01/1959		Tân Phong	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
4305	259 PHAN MINH NHÂN	20455		270776354	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
4306	260 TRẦN THỊ PHƯƠNG		1/1/1956	270551902	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
4307	261 NGUYỄN THỊ DUYỀN		11/13/1953	270582136	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
4308	262 VÕ THỊ CHÂU		1/13/1944	270159634	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
4309	263 TÔNG MỸ LINH		11/19/1956	270159627	Tân Phong	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
4310	264 PHẠM THỊ HOA		1/1/1948	270789362	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	600.000 số 900.000đ vé	
4311	265 DƯƠNG VĂN ĐỖ	20455		270776396	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
4312	266 HUỠNH THỊ THANH		1/1/1948	270092920	Đồi Riu	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
4313	267 ĐÀNG VIỆT TIẾN	18629		270879522	Đồi Riu	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
4314	268 NGUYỄN THỊ HOA		1/1/1947	270541156	Đồi Riu	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
4315	269 TRƯƠNG THỊ NGHỆ		2/2/1935	270159582	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
4316	270 LÊ THỊ NGUYỄN		1/1/1946	270542770	Tân Phong	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
4317	271 THỎ KHÉO	19725		270159765	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
4318	272 NGUYỄN THỊ THÔNG		10/12/1948	270159960	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	500.000	Chết 09/04/202
4319	273 LÊ THỊ XUÂN MAI		4/18/1956	270972678	Đồi Riu	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
4320	274 NGUYỄN THỊ HOA		8/6/1956	270159925	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
4321	275 NGUYỄN THỊ ANH		6/7/1954	270541114	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
4322	276 NGUYỄN MẠNH HÙNG	18676		270776411	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
4323	277 NGUYỄN THỊ CÚA		1/1/1938	270544130	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
4324	278 THỊ HAI		1/1/1960	270789654	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
4325	279 HÀ THỊ THUY HANG		5/10/2011		Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
4326	280 MAI XUÂN HUY HOANG	39736			Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
4327	281 ĐIỀU THANH BÙI NGUYỄN LỢI		2/22/2011		Tân Phong	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
4328	282 THAI QUỐC THỊNH	39430			Tân Phong	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
4329	283 DƯƠNG ĐÌNH THỊ	40068			Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
4330	284 LÊ TƯỜNG LONG	39836			Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
4331	285 NGUYỄN VĂN TRỌNG THẢO	40053			Đồi Riu	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
4332	286 PHAM THỊ THUY HANG		9/22/2010		Đôi Riu	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
4333	287 NGUYỄN THỊ CẨM LIÊN		11/13/2005		Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
4334	288 TRẦN MẠI LỘC VANG	40264			Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
4335	289 ĐIỀU THANH BÙI LINH NHI		5/22/2004		Tân Phong	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
4336	290 NGUYỄN CHÍ HỌC	40450			Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
4337	291 TRẦN MINH TÚ	39702			Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
4338	292 LÊ ĐÌNH KHOA	39900			Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
4339	293 NGUYỄN HỮU MINH CHIẾN	39021			Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
4340	294 DƯƠNG HUNG KHÁNH AN	39769			Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
4341	295 NGUYỄN THỊ BÍCH NHƯ				Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
4342	296 TRẦN MẠI ANH NGỌC		4/4/2008		Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
4343	297 NGUYỄN THANH LÂM	41582	29/07/2012		Đôi Riu	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
4344	298 VÒNG PHƯƠNG DUY	42538			Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
4345	299 THỎ HOÀNG THỊNH	41307			Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
4346	300 TRẦN GIA HUY	41240			Đôi Riu	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
4347	301 TRẦN THỊ YẾN NHI		7/18/2008		Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
4348	302 NGUYỄN MINH ĐĂNG	41650			Tân Phong	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
4349	303 NGUYỄN KHÁNH THÀNH	41528			Đôi Riu	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
4350	304 NGUYỄN KHÁNH BĂNG		1/1/2019		Đôi Riu	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
4351	305 TRẦN THỊ KIM BÍCH		1/1/1987	271850152	Hàng Gòn	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4352	306 THÔNG MINH CHÁNH		10/26/1994	272256769	Đôi Riu	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4353	307 PHAN MINH CHUÔNG	01/08/1992		272255456	Đôi Riu	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4354	308 THỎ ĐẠT	33845			Hàng Gòn	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4355	309 PHAN TRUNG HIẾU	31413			Hàng Gòn	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4356	310 LÊ THANH HÙNG	01/01/1977			Hàng Gòn	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4357	311 NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG		1/1/1978		Tân Phong	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4358	312 NGUYỄN THỊ LỢI		1/1/1989		Đôi Riu	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4359	313 ĐĂNG HOÀNG NAM	26883		272256133	Hàng Gòn	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4360	314 NGUYỄN THANH NAM	30317		271503959	Hàng Gòn	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4361	315 TRẦN VĂN NGỌC	27818		271310727	Tân Phong	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4362	316 ĐỖ ĐÌNH NHAN	33239			Hàng Gòn	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4363	317 LÊ VĂN PHIÊM	24108		290334968	Đôi Riu	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4364	318 HỒ VĂN PHÚC	33916			Hàng Gòn	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4365	319 NGUYỄN VĂN PHƯỚC	26299		271119455	Hàng Gòn	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4366	320 PHAN THỊ SÁNG		1/1/1979		Hàng Gòn	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4367	321 PHAM XUÂN TÂN	30317		271503967	Hàng Gòn	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	600.000 số 900.000d vé	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
4368	322 NGÔ XUÂN THANH	30553			Tân Phong	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4369	323 NGUYỄN THỊ NGỌC THUY		10/17/1990	271918150	Đồi Riu	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4370	324 NGUYỄN QUÂN TRÔNG	34819			Hàng Gòn	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4371	325 NGUYỄN ĐỨC TY	26299		272030648	Hàng Gòn	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4372	326 LÂM THỊ TƯỜNG VI		1/1/1966		Hàng Gòn	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4373	327 NGUYỄN THỊ XUÂN		6/26/1994		Hàng Gòn	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4374	328 NGUYỄN THỊ HÀNH		13/5/1969		Hàng Gòn	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4375	329 NGUYỄN ĐỨC TOÀN	06/06/1987			Hàng Gòn	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4376	330 HOÀNG TRÔNG NHẬT	22/08/1997			Hàng Gòn	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4377	331 NGUYỄN MINH TRI	31279		271621112	Hàng Gòn	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	600.000	900.000đ vé số
4378	332 PHAN QUỐC TUẤN	35142			Hàng Gòn	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4379	333 THỎ CẦU	22824			Hàng Gòn	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4380	334 ĐOÀN THANH HẢI	32143		271917614	Đồi Riu	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4381	335 LÊ NHẬT TÂM	35980			Hàng Gòn	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4382	336 NGUYỄN QUỐC THANH	36201			Hàng Gòn	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4383	337 NGUYỄN QUANG TRƯỜNG	35797			Hàng Gòn	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4384	338 NGUYỄN THỊ CỎI		1/1/1971	271897300	Hàng Gòn	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4385	339 TRẦN TRÔNG NHÂN	32874			Đồi Riu	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4386	340 TRẦN VĂN THUY	27030		271836853	Hàng Gòn	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4387	341 TRẦN THỊ HUỖNG		1/1/1964		Tân Phong	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4388	342 ĐIỀU THANH BÙI NHẬT LÝ	01/04/2001			Tân Phong	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4389	343 VÕ VĂN ĐƯỢC	33767		272046760	Tân Phong	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4390	344 THỎ PHÚC	26972		271210708	Hàng Gòn	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4391	345 VÕ ĐÌNH VINH	24838		270776808	Hàng Gòn	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4392	346 K.A TRÔNG MINH	37297			Hàng Gòn	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4393	347 ĐOÀN MINH HOÀNG	29128		023265562	Đồi Riu	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4394	348 PHẠM THỊ THU HỒNG		2/25/1990		Đồi Riu	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4395	349 LÂU CHÂN PHÚC	26287		270878697	Đồi Riu	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4396	350 NGUYỄN THANH MINH	35937		272752437	Hàng Gòn	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4397	351 TRẦN THANH HẢI	25670		270880149	Hàng Gòn	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4398	352 HUỖNH TRÔNG HÀ	29587		271403746	Tân Phong	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4399	353 TRẦN THỊ XUÂN THO		23/4/1989	273299669	Hàng Gòn	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid- 19	
4400	354 NGUYỄN THANH DŨNG	25204		270789432	Hàng Gòn	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4401	355 HÀ MẠNH DŨNG	26719		271119465	Hàng Gòn	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4402	356 HỒ THỊ KIM THÙY		7/27/1983	271600837	Đồi Riù	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4403	357 NGUYỄN THỊ HIỆM		1/1/1941	270159622	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
4404	358 TRẦN THỊ HUỠNG		1/1/1932	270776243	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
4405	359 THỊ NHỎ		1/1/1949	270789214	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
4406	360 TRẦN THỊ RỎ		1/1/1930		Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
4407	361 ĐOÀN THỊ THÀNH		1/1/1925	270496093	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
4408	362 NGUYỄN VĂN TÔI	18994			Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
4409	363 TRẦN VĂN ƠN	20058		270542544	Tân Phong	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
4410	364 LÊ THỊ NGHĨA		1/1/1939	270789551	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
4411	365 TRƯƠNG VĂN THÀNH	20090			Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
4412	366 PHẠM THỊ VIỆN		1/1/1935	272256573	Tân Phong	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
4413	367 LÊ THỊ SÁU		1/1/1940	270776291	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
4414	368 BÙI THỊ GIÀU		2/2/1931	270789095	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
4415	369 LÊ VĂN CƯỚC	11324		270543037	Tân Phong	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
4416	370 LÝ NHẬT SÁNG		5/5/1937	022184289	Đồi Riù	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
4417	371 VÕ VĂN SỰ	20455			Tân Phong	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
4418	372 VŨ VĂN SỪ	18264			Tân Phong	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
4419	373 TRẦN THỊ BÔNG		1/1/1955	270542553	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
4420	374 ĐINH VĂN THÂN	19855		270789431	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
4421	375 ĐOÀN THỊ BẢN		1/1/1946	270776269	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
4422	376 LÊ THỊ KIM		1/1/1930	270159727	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
4423	377 VÕ THỊ LÀM		9/20/1942	270159591	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
4424	378 NGUYỄN THỊ NGỌC		1/1/1958	270968754	Tân Phong	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
4425	379 TRẦN THỊ PHÉ		1/1/1938	270776078	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
4426	380 NGUYỄN ĐỨC NHÂN	22/09/1954		271041515	Tân Phong	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
4427	381 NGUYỄN THỊ PHÚ		01/01/1934	270542739	Tân Phong	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
4428	382 VÕ THỊ GÁM		1/1/1944	270776060	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
4429	383 TÔN THẮT BÔNG	20313		272081730	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
4430	384 HOÀNG VĂN HỮU	16876		270789744	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
4431	385 NGUYỄN THỊ PHIÊN		1/1/1931	272030472	Đồi Riu	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
4432	386 THỊ NHIP		1/1/1947		Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
4433	387 NGUYỄN THỊ BA		1/1/1938	270159974	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
4434	388 ĐOÀN THỊ KIM CHUNG		1/1/1960		Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
4435	389 TRẦN THỊ LỢI		8/12/1944	272030335	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
4436	390 TRẦN THỊ NGAY		1/1/1927	210952976	Đồi Riu	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
4437	391 LÊ CÔNG TỨ		12/12	272030412	Tân Phong	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
4438	392 VÕ THỊ TÌM		1/1/1924	270540743	Đồi Riu	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
4439	393 TRẦN THANH LONG		1/1/1958	270275703	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
4440	394 DƯƠNG THỊ QUYẾT		4/1/1928	210852776	Tân Phong	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
4441	395 VŨ THỊ QUẾ		1/1/1926		Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
4442	396 NGUYỄN THỊ HƯƠNG		1/1/1940	272030574	Hàng Gòn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
4443	397 PHẠM THỊ HUỲNH		2/1/1944	272030410	Tân Phong	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
4444	398 NGUYỄN KHÁNH DUY		38291		Hàng Gòn	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4445	399 VÕ THANH THÚY		38101		Hàng Gòn	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4446	400 NGUYỄN HÀ UYÊN		5/4/2008		Hàng Gòn	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4447	401 SỸ THANH CƯỜNG		26/02/2009		Đồi Riu	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4448	402 NGUYỄN TRẦN DUY		25/04/2009		Hàng Gòn	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4449	403 NGUYỄN THANH BÌNH		39968		Tân Phong	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4450	404 TRẦN NGỌC HOÀNG MY		12/1/2018		Hàng Gòn	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4451	405 BÙI NGUYỄN ANH KHOA		40594		Đồi Riu	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
4452	406 NGUYỄN VƯƠNG TRONG HIẾU		40452		Hàng Gòn	Trẻ em mồ côi	450.000	1.500.000	
4453	407 NGUYỄN NGỌC BẢO NGÂN		2/4/2006		Hàng Gòn	Trẻ em mồ côi	450.000	1.500.000	
4454	408 TRẦN THANH NGHĨA		38280		Hàng Gòn	Trẻ em mồ côi	450.000	1.500.000	
4455	409 VƯƠNG NGỌC THẢO		6/8/2002		Tân Phong	Trẻ em mồ côi	450.000	1.500.000	
4456	410 NGUYỄN NGỌC HOÀI THƯƠNG		6/1/2004		Hàng Gòn	Trẻ em mồ côi	450.000	1.500.000	
4457	411 NGUYỄN NGỌC BẢO TRẦN		11/30/2007		Hàng Gòn	Trẻ em mồ côi	450.000	1.500.000	
4458	412 NGUYỄN VĂN HOÀNG TIẾN		13/3/2009		Đồi Riu	Trẻ em mồ côi	450.000	1.500.000	
4459	413 HOÀNG THIÊN ÂN		39508		Hàng Gòn	Trẻ em mồ côi	450.000	1.500.000	
	Tổng cộng							6.614.600.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid- 19	

Số đối tượng: 4.459 đối tượng
Số tiền: 6.614.600.000 đồng
Bằng chữ: Sáu tỷ, sáu trăm mười bốn triệu, sáu trăm ngàn đồng

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hòa Hiệp